

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TPL22B2OLV**
Mã MH/MĐ: **MH02215**
Tên MH/MĐ: **Soạn thảo văn bản**
Số TC: **2**

Năm học: **22-23**

Học kỳ: **01**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2253801011228	Phạm Văn Tòng	02/05/1988			9	9	8.0	9.0			7.0		7.7
2	2253801011229	Ngô Thị Cẩm Tú	01/01/1984			8	8	9.0	9.0			7.0		7.7
3	2253801011231	Đinh Tấn Thanh	23/03/1998			9	9	9.0	10.0			7.0		7.9
4	2253801011232	Nguyễn Ngọc Thành	19/02/1980			8	8	8.0	10.0			6.0		7.1
5	2253801011233	Châu Thị Mộng Thúy	17/05/1992			8	8	7.0	8.0			7.0		7.3
6	2253801011234	Phan Thị Thừa	10/07/1982			5	6	5.0	6.0			7.0		6.4
7	2253801011551	Nguyễn Thị Mỹ Phượng	04/05/1979			8	10	8.0	9.0			7.0		7.7
8	2253801013393	Nguyễn Thị Mỹ Chi	05/07/1996			9	8	8.0	9.0			8.0		8.2
9	2253801013394	Nguyễn Văn Chiến	19/05/1993			8	9	9.0	9.0			7.0		7.7
10	2253801013395	Đoàn Thị Bé Chính	02/09/1983			8	8	10.0	9.0			7.0		7.8
11	2253801013397	Trịnh Thanh Hóa	31/01/1992			7	7	5.0	9.0			7.0		7.0
12	2253801013398	Lê Thị Huống	26/07/1984			7	8	8.0	9.0			7.0		7.5
13	2253801013399	Nguyễn Thị Diệu Hương	17/10/1990			10	10	10.0	9.0			0.0	8.0	8.7
14	2253801013400	Lê Hoàng Linh	19/12/1992			8	7	9.0	10.0			7.0		7.7
15	2253801013401	Lê Chí Thanh	29/07/1996			8	6	8.0	10.0			7.0		7.5
16	2253801013402	Nguyễn Nhật Thanh	20/08/1991			7	9	8.0	6.0			7.0		7.1

Châu Đốc, ngày 28 tháng 6 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Từ Cao Thanh Hà